

KHÉO LÉO SỬ DỤNG CON NGƯỜI – NÉT ĐỘC ĐÁO TRONG QUAN ĐIỂM CHÍNH TRỊ TRUYỀN THỐNG VIỆT NAM VÀ SỰ KẾ THỪA CỦA HỒ CHÍ MINH

Phạm Ngọc Trâm

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn -

Đại học Quốc gia TP.HCM

Ngày nhận bài 20/3/2018; Ngày gửi phản biện 30/3/2018; Chấp nhận đăng 15/5/2018

Email: phamngoctram@hcmussh.edu.vn

Tóm tắt

Khéo léo hay nghệ thuật sử dụng con người là phương pháp sử dụng và phát huy tài năng con người một cách hiệu quả vào những mục tiêu tốt đẹp cho con người, đất nước và xã hội loài người. Trong quan điểm chính trị truyền thống Việt Nam ông cha ta đã tổng kết việc khéo léo sử dụng con người bằng một câu rất ngắn gọn: Dùng nhân như dụng mộc – nguyên tắc sử dụng người cũng như người thợ mộc chọn gỗ làm đồ. Chủ tịch Hồ Chí Minh trong quá trình tìm đường cứu nước và lãnh đạo cách mạng Việt Nam Người cho rằng: “Muôn việc thành công hoặc thất bại, đều do cán bộ tốt hoặc kém. Đó là một chân lý nhất định”⁽¹⁾.

Từ khóa: chính trị, con người, Hồ Chí Minh, khéo léo, nghệ thuật, tư tưởng, truyền thống

Abstract

SKILFUL USE OF PEOPLE - UNIQUE IN THE TRADITIONAL VIETNAMESE POLITICAL VIEWS AND THE SUCCESSOR OF HO CHI MINH

Skilful use of human art is a way of using and promoting human talent effectively in good intentions for the people, the country and human society. In the traditional Vietnamese political viewpoint, our father summarized the ingenuity of employing humans in a very brief sentence: The human being is like a carpenter - the principle of using a person as well as a carpenter chooses wood for making furniture. President Ho Chi Minh in the search for a way to save the country and the leader of the revolution in Vietnam who said: "To succeed or fail, either by good or bad officials. That is a certain truth."

1. Đặt vấn đề

Đất nước Việt Nam tươi đẹp trải dài hơn 3.000 cây số, cầu nối giữa lục địa châu Á với Biển Đông, từ lâu phải thường xuyên đối diện với nhiều đội quân xâm lược lớn mạnh. Lịch sử hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc, quan điểm chính trị Việt Nam được hình thành. Đặc trưng cơ bản của quan điểm chính trị truyền thống Việt Nam là trên cơ sở đặt lợi ích quốc gia, dân tộc lên trên hết, quan tâm giải quyết những lợi ích thiết thực của dân, khéo léo sử dụng con người; biết phát huy dân chủ trên tinh thần khoan dung, mềm dẻo biết tiếp thu những kiến thức của nhân loại, đúc kết chúng thành những tri thức, kinh nghiệm của mình để vận dụng vào lãnh đạo, quản lý đất nước. Từ góc độ lịch sử bài viết tập trung phản ánh tinh hoa chính trị truyền thống Việt Nam và sự kế thừa của Hồ Chí Minh về vấn đề khéo léo sử dụng con người.

2. Khéo léo sử dụng con người trong quan điểm chính trị truyền thống Việt Nam

Khéo léo hay nghệ thuật sử dụng con người đều chỉ những phương pháp sử dụng và phát huy tài năng con người một cách hiệu quả vào những mục tiêu tốt đẹp cho con người, đất nước và xã hội loài người. Từ xưa, ông cha ta đã tổng kết việc khéo léo sử dụng con người bằng một câu rất ngắn gọn: *Dụng nhân như dụng mộc* – nguyên tắc sử dụng người cũng như người thợ mộc chọn gỗ làm đồ. Mỗi loại gỗ, mỗi loại cây đều có những tổ chất khác nhau, cho nên phải tùy theo công năng, hình thức của món đồ gỗ đó mà chọn gỗ cho phù hợp. Biết lựa gỗ để đóng đồ, hay làm nhà cho thật hợp lý. *Dụng nhân như dụng mộc* có hàm ý: không có người nào là vô dụng, chỉ cần xử dụng đúng người đúng việc thì sẽ phát huy hiệu quả con người đó. Bởi vậy khi sử dụng người, đừng vội chê người này người nọ vô dụng mà hãy trách mình không biết sử dụng người.

Từ trong lịch sử dân tộc, *khéo léo sử dụng con người*, thời nào cũng có. Tầm gương sử dụng con người của một *nữ chính trị gia* tài ba thời phong kiến Việt Nam, Dương Văn Nga là một bài học muôn đời cho hậu thế. Cuối năm 979, do mâu thuẫn nội bộ, triều Đinh rối loạn, Đinh Tiên Hoàng và con trai Đinh Liễn bị Đỗ Thích giết hại; Vệ vương Đinh Toàn, 6 tuổi lên ngôi. Dương Văn Nga làm Hoàng thái hậu. Nhân cơ hội này, vua Tống lập tức cử Hầu Nhân Bảo, Tôn Toàn Hưng, Hác Thủ Tuấn, Trần Khâm Lộ, Thôi Lương, Lưu Trùng, Giả Thực “hợp quân cả bốn hướng, hẹn ngày cùng sang xâm lược”⁽²⁾. Phương Nam thì phò mã Ngô Nhật Khánh, vì hận Đinh Tiên Hoàng, dẫn cả ngàn chiến thuyền của Chiêm Thành vào cướp, muốn tiến đánh Hoa Lư. Như vậy, sự nghiệp thống nhất đất nước vừa được Đinh Tiên Hoàng vừa được hoàn thành thì bị đe dọa từ nhiều phía, bên ngoài phong kiến phương Bắc, phương Nam sửa soạn đại binh để xâm lược. Bên trong các triều thần tranh chấp gay gắt có nguy cơ xảy ra nội chiến. Trước tình thế đó, Dương Văn Nga đã sử dụng một phương cách rất hay, đó là khéo léo sử dụng con người Lê Hoàn. Đây là một *nước cờ* rất cao tay, cùng lúc hóa giải tất cả. Bà phong Lê Hoàn làm Phó vương nắm quyền nhiếp chính. Sau đó, đưa Lê Hoàn lên làm vua, mở đầu một triều đại mới - Triều Lê (còn gọi là nhà Tiền Lê). Dương Văn Nga một người phụ nữ chỉ 28 tuổi, đã đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong việc chuyển giao quyền lực từ nhà Đinh sang nhà Tiền Lê và cuộc kháng chiến chống quân xâm lược nhà Tống. Nghệ thuật sử dụng con người của Bà đã góp phần giữ cho giang sơn yên ổn thanh bình, chuyển giao quyền lực đúng thời điểm lịch sử, chọn đúng người tài đứng ra giúp nước. Nhờ vậy, bà đã bảo toàn được mạng sống, danh vọng, địa vị cho mình và con trai - thông qua việc nhường ngôi cho Lê Hoàn. Bởi vì, nếu việc cướp ngôi xảy ra, mẹ con bà sẽ mất tất cả. Cuối cùng con trai của bà và Đinh Tiên Hoàng vẫn được làm Vệ Vương, riêng bà vẫn là bậc mẫu nghi thiên hạ. Nếu không có nghệ thuật sử dụng con người, nhường ngôi báu cho Lê Hoàn, liệu mẹ con bà và giang sơn Đại Việt không biết sẽ về đâu?

Nghệ thuật sử dụng con người của ông cha ta trong lịch sử đã được phát huy cao độ trong cuộc kháng chiến chống Nguyên – Mông. Nhờ vậy, trong cuộc kháng chiến “dù trăm thân phơi ngoài cỏ nội, nghìn thân bọc trong da ngựa”, các tướng sĩ cũng xả thân vì đại nghĩa của dân tộc. Trần Bình Trọng bị giết bắt vẫn ngoan cường: “Ta thà làm ma nước Nam, chứ không thèm làm vương đất Bắc”. Trần Quốc Toản với lá cờ “Phá cường địch, báo hoàng ân” anh dũng chặn quân Nguyên, không cho chúng vượt sông Cầu về nước trong cuộc kháng chiến chống Nguyên – Mông lần thứ hai.

Năm 1300, khi được vua Trần Anh Tông hỏi về kế sách đánh giặc, Hưng Đạo Vương – Trần Quốc Tuấn trả lời: “Vua tôi đồng tâm, anh em hòa mục, cả nước góp sức, giặc phải bị

bất. Đó là trời xui vạy”⁽³⁾. Để phát huy sự đồng lòng, chung sức ấy, nhà Trần sử dụng người tài, “Bạt dụng lương tướng” (chọn dùng tướng giỏi), “Phụ tử chi binh”⁽⁴⁾ (Quân đội đồng lòng như cha con một nhà). Hưng Đạo Vương – Trần Quốc Tuấn cho rằng: “Đời Đinh, Lê dùng được người tài giỏi, đất phương Nam mới mạnh mà phương Bắc thì mệt mỏi suy yếu, trên dưới một dạ, lòng dân không lìa, xây thành Bình Lỗ mà phá được quân Tống”⁽⁵⁾. Ông khẳng định: “Phải chọn dùng tướng giỏi, xem xét quyền biến, như đánh cờ vậy, tùy thời tạo thế, có được đội quân một lòng như cha con thì mới dùng được”⁽⁶⁾. Trong *Binh thư yếu lược*, Hưng Đạo Vương – Trần Quốc Tuấn cũng nhiều lần nhấn mạnh nghệ thuật sử dụng con người: “Muốn binh mạnh để chiến thắng thì cần ở sự dụng tướng được người, rồi sau mới có thể quy phục được thiên hạ và các rợ xung quanh. Đó là gốc lớn để trị nước”⁽⁷⁾. “Người dùng tướng thì trước hết phải giỏi chọn tướng. Người giỏi chọn tướng thì trước hết phải giỏi biết tướng... cái tinh vi của người dùng tướng dùng quân đều ở cả đó”⁽⁸⁾. Như vậy, Hưng Đạo Vương – Trần Quốc Tuấn quan niệm nghệ thuật sử dụng con người là vấn đề căn bản trong quan điểm chính trị, lãnh đạo đất nước – *gốc lớn để trị nước*.

Tiêu chí để chọn người, khéo léo sử dụng con người trong quan điểm chính trị truyền thống Việt Nam phải đảm bảo hai mặt đức và tài. Hưng Đạo Vương – Trần Quốc Tuấn cho rằng tướng, người lãnh đạo đất nước phải xứng đáng “trung thần nghĩa sĩ”, “dĩ thân tuấn quốc”, phải có lòng trung, công minh, chính trực, phải có lòng “phụ tử” với binh sĩ.

Trong *Binh thư yếu lược* Hưng Đạo Vương – Trần Quốc Tuấn phản ánh phẩm chất *tài*, phải đủ năm phẩm chất, *ngũ tài: dũng, trí, nhân, tín và trung*; dũng thì không ai phạm được; trí thì không cái gì làm rối; nhân thì yêu dân; tín thì không lừa dối; trung thì không hai lòng⁽⁹⁾. Tiêu chuẩn chọn người làm tướng, làm lãnh đạo theo Hưng Đạo Vương – Trần Quốc Tuấn ngoài đức độ và *dũng, trí, nhân, tín, trung* thì người lãnh đạo cần phải biết chỉ huy, có kiến thức rộng, toàn diện. Ngoài những kiến thức nghiệp vụ của mình, phải hiểu biết về chính trị, pháp luật (hình gia), về tư duy triết học (danh gia) và những mối quan hệ trong xã hội (âm dương gia). “Hình gia và danh gia không cần kiêm làm binh gia, mà binh gia thì phải kiêm hình gia và danh gia; âm dương gia thì không cần kiêm làm binh gia, mà binh gia thì phải kiêm âm dương gia”⁽¹⁰⁾.

Việc chọn người, sử dụng con người, nhất là chọn, xây dựng đội ngũ những người lãnh đạo, những người tướng cầm quân đương đầu trong các cuộc kháng chiến chống xâm lược chính là phải biết “dùng người hiền lương”, “bạt dụng lương tướng”. Phải chọn dùng, cất nhắc tướng giỏi. Tướng giỏi – người lãnh đạo giỏi – phải vừa có tinh thần dám đánh, vừa có kiến thức, mưu trí, linh hoạt, nhạy bén nắm bắt cái mới nảy sinh, sớm tìm ra đối sách để phá giặc, thắng giặc; phải đủ sức đương đầu đối phó với các âm mưu tàn bạo và xảo quyệt của kẻ xâm lược. Vua Trần ra lệnh chọn người tài: “Chọn trong các quan viên, người nào có tài năng luyện tập nghề võ, tinh thông thao lược thì không kể tông thất đều cho làm tướng coi quân”. Đánh giá phương cách dùng người tiền bối của nhà Trần, sử gia Phan Huy Chú viết: “Thời Trần dùng người thật công bằng... việc kén dùng chỉ cần tài là được... chỉ cần người dùng được, chứ không câu nệ đường xuất thân”⁽¹¹⁾. Nhờ vậy, bên cạnh những tướng tài trong giới quý tộc nhà Trần như: Trần Quang Khải, Trần Khánh Dư, Trần Nhật Duật, Trần Khát Chân... trong thời kỳ này, nhiều người không thuộc dòng dõi quý tộc, nhưng có tài năng cũng được triều đình phát hiện, tuyển chọn, bồi dưỡng, cất nhắc trở thành những tướng giỏi như Phạm Ngũ Lão, Nguyễn Khoái, Lê Tần... Kể cả những người có thân phận thấp kém là gia nô cũng được cất nhắc, đề bạt sử dụng hiệu quả, trở thành những vị tướng tài thời Trần như Yết Kiêu, Dã Tượng...

Nhà sử học Ngô Sĩ Liên (thời Lê) đánh giá cao phương cách sử dụng con người và phẩm chất, tài năng các tướng lĩnh thời Trần: “Tôi từng thấy các danh tướng nhà Trần như Hưng Đạo Vương thì học vấn tỏ ra ở bài hịch, Phạm Điện Súy thì biểu hiện ở câu thơ, không chỉ có chuyện về nghề võ. Thế mà dùng binh tinh diệu, hễ đánh là thắng, đã tấn công là chiếm được, người xưa cũng không ai vượt nổi các ông. Lê Phụ Trần thì dùng lược đứng đầu ba quân, một mình một ngựa xông pha trong trận giặc, tùy cơ ứng biến, chống đỡ cho chúa trong lúc gian nguy, mà tài văn học của ông đủ để dạy bảo thái tử. Đủ biết, nhà Trần dùng người, vốn căn cứ vào tài năng của họ để trao trách nhiệm”⁽¹²⁾.

Lê Quý Đôn cũng hết lời ca ngợi phương cách phát hiện, chọn lựa, bồi dưỡng, trọng dụng nhân tài của vương triều Trần: “Nhà Trần đãi ngộ sĩ phu rộng rãi mà không bó buộc, hòa nhã mà có lễ độ, cho nên nhân vật trong một thời có khí tự lập, hào hiệp cao siêu, vững vàng vượt qua thói thường, làm rạng rỡ trong sử sách, trên không hổ với trời, dưới không thẹn với đất. Ôi như thế, người đời sau còn có thể theo kịp thế nào được”⁽¹³⁾.

Trong cuộc kháng chiến lâu dài, “lấy ít địch nhiều, lấy yếu chống mạnh”, nghệ thuật phát hiện, bồi dưỡng sử dụng nhân tài của Lê Lợi và Nguyễn Trãi đã có những phương cách rất độc đáo: “hậu đãi tân khách, với người trốn tránh, dùng người làm phản (quân Minh); ngầm nuôi kẻ sĩ mưu trí, bỏ của phát thóc giúp người cơ bản; nhún nhường hậu lễ để thu hào kiệt”⁽¹⁴⁾. Nhờ vậy, buổi đầu lực lượng khởi nghĩa chỉ độ vài ngàn người về sau tăng lên hàng vạn, hào kiệt khắp nơi đều tìm về Lam Sơn tụ nghĩa, giành thắng lợi trong cuộc chiến trang giải phóng dân tộc đầu thế kỷ XV.

Coi trọng người hiền tài vốn là một cách xử thế sáng suốt, là nghệ thuật chính trị của Vua Quang Trung. “*Hiền tài là nguyên khí của quốc gia*”⁽¹⁵⁾, nhà vua đã ý thức sâu sắc về điều đó và chủ trương kêu gọi người hiền tài ra giúp nước: “Chiếu cầu hiền”⁽¹⁶⁾. Mặc dù, vương triều Tây Sơn – Nguyễn Huệ có thời gian tồn tại ngắn, nhưng nghệ thuật thu nạp và trọng dụng nhân tài của Nguyễn Huệ thể hiện tầm vọng một nhà lãnh đạo lớn, mang cái tâm nhân nghĩa bao trùm cả thời đại ông.

Vua Quang Trung bộc bạch: “Trẫm đương để ý lắng nghe, sớm hôm mong mỏi. Thế mà những người tài cao học rộng, chưa có ai đến. Hay Trẫm là người ít đức, không xứng đáng để những người đó phò tá chăng? Hay là đương thời loạn lạc”⁽¹⁷⁾.

Thái độ chiêu hiền đãi sĩ của vua Quang Trung là rất chân thành. Nhà vua tỏ rõ sự khiêm tốn, thực lòng mong muốn có sự cộng tác của các bậc hiền tài để xây dựng một triều đại mới vững mạnh: “Kia như, trời còn tăm tối, thì đấng quân tử phải trở tài. Nay đương ở buổi đầu của nền đại định, công việc vừa mới mở ra. Kỷ cương nơi triều chính còn nhiều khiếm khuyết, công việc ngoài biên cương phải lo toan. Dân còn nhọc mệt chưa lại sức, mà đức hoá của trẫm chưa kịp nhuần thấm khắp nơi. Trẫm nom nớp lo lắng, ngày một ngày hai vạn việc nảy sinh. Nghĩ cho kỹ thì thấy rằng: Một cái cột không thể đỡ nổi một căn nhà lớn, mưu lược một người không thể dựng nghiệp trị bình. Suy đi tính lại trong vòm trời này, cứ cái ấp mười nhà ắt phải có người trung thành tín nghĩa. Huống nay trên dải đất văn hiến rộng lớn như thế này, há trong đó lại không có lấy một người tài danh nào ra phò giúp cho chính quyền buổi ban đầu của trẫm hay sao ?”⁽¹⁸⁾.

Vua Quang Trung đã chỉ rõ tính chất của thời đại và nhu cầu trước mắt của đất nước, đồng thời cũng thẳng thắn tự nhận những điều bất cập của triều đại mới do mình đứng đầu

như chính sách cai trị còn nhiều thiếu sót, việc biên ải chưa yên, dân chưa hồi sức sau chiến tranh, đức hoá của vua chưa thấm nhuần,... Trong khi đó, công việc ngày càng nhiều và trách nhiệm của triều đình ngày càng nặng nề, đòi hỏi phải có sự trợ giúp của các bậc hiền tài. Hình ảnh “Một cái cột không thể đỡ nổi một căn nhà lớn và mưu lược của một người không thể dựng nghiệp trị bình”⁽¹⁹⁾ là nhận xét khách quan, đúng đắn, thể hiện quan điểm chính trị lấy dân làm gốc và tầm nhìn chiến lược sáng suốt của Vua Quang Trung ở thời điểm ấy.

Thái độ khiêm nhường, chân thành và chính sách chiêu hiền của nhà vua khiến các bậc hiền tài không thể không đem tài đức ra giúp triều đại mới: “Chiếu này ban xuống, các bậc quan viên lớn nhỏ, cùng với thứ dân trăm họ, người nào có tài năng học thuật, mưu hay hơn đời, cho phép được dâng sớ bày sự việc. Lời nói nào có thể chọn dùng được, thì cất nhắc không kể thứ bậc; chỗ nào không dùng được thì gác lại, không vì lời nói sơ suất vu khoát mà bắt tội. Còn người có nghề hay nghiệp giỏi, có thể cống hiến cho đời, thì cho phép các quan văn, quan võ được tiến cử, nhưng vẫn dẫn vào đời ra mắt, tùy tài lực dụng. Hoặc người nào từ trước đến nay tài năng còn bị che kín, chưa được người đời biết đến, thì cũng cho phép dâng sớ tự tiến cử, chớ hiềm vì mưu lợi mà phải bán rao”⁽²⁰⁾.

Đường lối cầu hiền của Vua Quang Trung đúng đắn và rộng mở. Trước hết, tất cả mọi tầng lớp nhân dân từ quan viên lớn nhỏ đến dân chúng trăm họ đều được phép dâng sớ bày tỏ ý kiến về việc nước, nghĩa là ai cũng có quyền tham gia đóng góp vào sự nghiệp xây dựng đất nước. Cách tiến cử cũng đa dạng, gồm hai cách: do các quan tiến cử hoặc bản thân dâng sớ tự tiến cử. Cuối cùng, nhà vua kêu gọi người có tài đức hãy cùng triều đình chung vai gánh vác việc nước để cùng nhau hưởng phúc lâu dài. “Trong khoảng trời đất, hiền tài còn ẩn náu, trước đây thì nên như thế. Nay trời trong sáng, đất thanh bình, chính là lúc người hiền gặp hội gió mây, những ai có tài đức hãy cùng cố gắng lên, ghi tên tại triều đình, cùng nhau cung kính, cùng nhau hưởng phúc lành tôn vinh”⁽²¹⁾.

Chiếu cầu hiền có sức thuyết phục khéo léo, bộc lộ sự trung thực chính trị, chuyển tải được nội dung một cách hàm súc, trang trọng, với một thái độ khiêm tốn, chân thành, của người lãnh đạo – Vua Quang Trung, một con người văn võ kiêm toàn. Đồng thời, phản ánh tầm nhìn chiến lược của Vua Quang Trung trong việc nhận thức về vai trò quan trọng của hiền tài đối với đất nước. Cầu hiền gần như là một quy luật tất yếu đối với các triều đại tiến bộ khi mới ra đời. Nhờ vậy, Vua Quang Trung đã thu phục hàng ngàn kẻ sĩ Bắc Hà đến với Tây Sơn, như Giả nguyên Trần Văn Kỷ, Tiến sĩ Ngô Thì Nhậm, Tiến sĩ Phan Huy Ích, Ngô Văn Sở, Phan Văn Lân, Nguyễn Văn Tuyết và đặc biệt là La Sơn phu tử Nguyễn Thiếp.

Ngày nay, thỉnh thoảng một vài vị quan chức của ta khi phát biểu về chính sách *chiêu hiền đãi sĩ* thường hay lấy câu chuyện “Tam cố thảo luận” (Ba lần đến lều tranh): Lưu Bị ba lần đến lều tranh cầu Khổng Minh ra giúp, thể hiện tinh thần trọng dụng nhân tài của người lãnh đạo, mặc dù câu chuyện đó chỉ xảy ra bên Tàu. Nhưng thực tế lịch sử, điều đó hoàn toàn không xảy ra. Theo một số sách sử viết trước Tam quốc chí hàng trăm năm, như *Hậu hán thư*, *Ngụy thư*... sự thật lịch sử không phải như vậy. “Tam cố thảo luận” là một câu chuyện do La Quán Trung hư cấu, bịa ra từ đầu đến cuối, nhằm đề cao vị thế người trí thức đường thời, đồng thời dưới sức ép của chủ nghĩa quân thần ngu trung, dẫn đến một số bịa đặt với mục đích hạ thấp những kẻ mà vua chúa cho là loạn thần tặc tử, dám cướp ngôi vua như Tào Tháo, còn dòng dõi hoàng thất như Lưu Bị dù bất tài nhưng vẫn được khen ngợi, thậm chí là tô vẽ quá lên so với sự thật.

Trong khi đó, ở Việt Nam một sự thật lịch sử “Tam cố thảo lư” mà tầm vóc của nó hơn hẳn câu chuyện của Tam quốc chỉ từ vị thế con người đến tài trí. Tiếc rằng, chưa có một con người tài hoa như La Quán Trung để khắc họa lên một câu chuyện đề đời cho hậu thế, mà con cháu Đại Việt phải sử dụng điển tích Tàu để *giáo dục* về tình thần trọng dụng nhân tài.

Vua Quang Trung – Nguyễn Huệ ba lần “Tam cố thảo lư” đến Nghệ An cầu Nguyễn Thiếp ra giúp nước. Cả ba lần đầu, Quang Trung – Nguyễn Huệ đều bị từ chối. Đến lần thứ tư vì cảm nhận được “Vương thượng, anh tư tốt bậc, khác hẳn người thường. Lòng thành chuộng lành so với Văn Vương, Huyền Đức chẳng hề kém thua”⁽²²⁾ Nguyễn Thiếp mới chịu ra giúp.

Năm 1791 sau khi La Sơn Phu Tử chính thức hợp tác với nhà Tây Sơn, vua Quang Trung ban chiếu lập Viện Sùng Chính (tháng 8 năm 1791) và cử Nguyễn Thiếp làm Viện trưởng. Kể từ đó, La Sơn Phu Tử đã có nhiều đóng góp quan trọng đối với đất nước. Với cương vị Viện trưởng Viện Sùng Chính, Nguyễn Thiếp đã đề ra những cải cách về văn hóa, giáo dục của nước nhà cuối thế kỷ thứ XVIII. Trong đó, công lao lớn nhất của Nguyễn Thiếp là thực hiện chủ trương của Quang Trung: chấn hưng, đề cao chữ Nôm, đưa chữ Nôm trở thành văn tự chính thức của nước Việt. Cùng với các đồng sự ở Viện Sùng Chính, La Sơn Phu Tử đã dịch nhiều bộ sách quan trọng từ Hán tự sang Nôm, như các bộ: Tiểu Học, Tứ Thư (gồm 32 tập) và các bộ Kinh Thi, Kinh Thư, Kinh Dịch... Đồng thời, La Sơn Phu Tử còn là một nhà giáo có công lớn đối với nền giáo dục nước nhà. Ngay tại khoa thi Hương đầu tiên dưới triều đại Quang Trung (tổ chức ở Nghệ An vào năm 1789), Nguyễn Thiếp được cử làm Chánh Chủ khảo. Đáng lưu ý, La Sơn Phu Tử đã được Quang Trung tin tưởng giao cho việc thẩm định đức độ và tài năng của những người mới ra hợp tác với nhà Tây Sơn. Nhưng thật đáng tiếc bao dự định tốt đẹp của Quang Trung và Nguyễn Thiếp đành dở dang vì năm 1892, Quang Trung qua đời, Cảnh Thịnh còn nhỏ tuổi, mọi quyền bính rơi vào tay Bùi Đắc Tuyên, nội bộ triều đình Tây Sơn ngày càng rạn nứt, chia năm xẻ bảy.

Như vậy, sau hơn hai năm hợp tác với Quang Trung, Nguyễn Thiếp một lần nữa lại lui về ẩn cư ở núi Thiên Nhẫn. Gia phả họ Nguyễn ở Mật Thôn - Nguyệt Ao, chép rằng: “Cụ ở lại trên núi, tự lấy làm vui, không bận lòng đến việc trần ai nữa”.

Dù sự hợp tác của Quang Trung với Nguyễn Thiếp quá ngắn ngủi nhưng cũng để lại cho hậu thế những kinh nghiệm quý báu về nghệ thuật trọng dụng nhân tài, sử dụng con người theo đúng phương châm truyền thống Việt Nam “Hiền tài là nguyên khí quốc gia”⁽²³⁾. Điều đáng bàn ở đây là tại sao ban đầu đa số sĩ phu Bắc Hà đều ngạo nhận Quang Trung – Nguyễn Huệ là hạng thất phu, lực điền nơi thôn dã, gặp thời mà thành công chứ không có tài năng thực sự. Hơn nữa với vốn *nhô học* dồi dào, phần lớn các sĩ phu Bắc Hà đều tự cao tự đại cho mình là uyên thâm, trung tâm trí tuệ của đất nước xem thường các thành phần khác, nhất là những nông dân, lại không phải xuất thân từ chốn kinh kỳ, ngàn năm văn vật. Quang Trung – Nguyễn Huệ, xuất thân từ một anh chàng nông dân áo vải ở đất Tây Sơn – Bình Định, nên bị một số sĩ phu Bắc Hà xếp trong định kiến thiên cận, hẹp hòi đó. Hơn nữa sĩ phu Bắc Hà trong giai đoạn cuối thế kỷ XVIII, Trịnh - Nguyễn phân tranh và dưới thời Tây Sơn, do hoàn cảnh lịch sử chi phối, đang đối diện với những lựa chọn mang tính bước ngoặt. Trong đó, hệ tư tưởng nho giáo, vốn mang bản chất bảo thủ đã và đang ăn sâu vào tiềm thức nên buộc kẻ sĩ đất Thăng Long khó lòng “từ bỏ” lòng trung quân đối với chính quyền Lê - Trịnh, mặc dù giới lãnh đạo phong kiến lúc bấy giờ đã rất thối nát. Một bộ phận khác vì đeo đuổi những lợi ích riêng tư vẫn còn nặng lòng muốn phục dựng lại chế độ cũ, nhưng thế và lực lại quá yếu ớt. Họ

cũng không đủ dũng khí để đi theo Tây Sơn để xây dựng cơ nghiệp mới.

Do đó, trước khi Nguyễn Huệ tiến quân ra Bắc lập nên chiến thắng vĩ đại Kỷ Dậu (1789) thái độ của giới sĩ phu Bắc Hà đối với Tây Sơn nhìn chung là xa lạ. Tâm lý của sĩ phu Bắc Hà và giới thống trị Đàng Ngoài vốn coi Đàng Trong là lãnh thổ của nước khác, đã được xác lập, sau khoảng hai thế kỷ giang sơn bị chia cắt. Nguyễn Huệ ra Bắc nhiều lần, ông hiểu khá rõ tình hình Bắc Hà và vị trí của giới kẻ sĩ – Nho gia – tại đây.

Làm gì và làm như thế nào để thu phục trí thức Bắc Hà là vấn đề lớn đối với Quang Trung – Nguyễn Huệ. Chinh phục một người mà có thể thu phục vạn người chính là kế sách độc đáo rất khôn ngoan của Quang Trung – Nguyễn Huệ. Cho nên ông đã lao tâm khổ tứ nhiều lần “chiêu hiền” La Sơn Phu Tử (Nguyễn Thiếp), một danh sĩ và một cao sĩ, một người Thầy của muôn người Thầy ở đất Hồng – Lam (xứ Nghệ) nói riêng và đất Bắc Hà nói chung. Nguyễn Huệ ba lần bị Nguyễn Thiếp khước từ. Chắc chắn vì là trung thần Lê triều, nên ban đầu La Sơn Phu tử vẫn chưa thực sự đánh giá cao Nguyễn Huệ và dù thế nào vị phu tử danh tiếng này và đa số sĩ phu Bắc Hà vẫn mơ tưởng tới chuyện khôi phục địa vị chính thống của vua Lê trong nền chính trị nước nhà.

“Nước rất mới biết cỏ thối”, đến khi ông vua cuối cùng của nhà Hậu Lê là Chiêu Thống dẫn đại binh Mãn Thanh gồm hai mươi vạn quân sang chiếm Thăng Long thì bộ mặt yếu hèn, bán nước một cách nhục nhã của Chiêu Thống đã lộ rõ, đông đảo kẻ sĩ và dân chúng Bắc Hà quay ra căm ghét Lê Chiêu Thống và tìm thấy ở Quang Trung – Nguyễn Huệ như lực lượng cứu tinh duy nhất của đất nước, qua bao phen binh hỏa. Vì vậy, La Sơn Phu tử đã nhận lời mời của hoàng đế Quang Trung hạ sơn và ông hiểu rõ tâm thế của xã hội lúc này quá mệt mỏi với cảnh binh đao, với bao biến cố trọng đại, với sự hỗn loạn vô chủ kéo dài của kinh thành Thăng Long và đặc biệt là quá chán ghét, quá khinh bỉ tên vua Chiêu Thống phản nước, hại dân, vì quyền lợi ích kỷ của bản thân mà cồng rắn cắn gà nhà.

Một số ý kiến cho rằng, sĩ phu Bắc Hà, mà tiêu biểu như Nguyễn Thiếp rất tài hoa, nhưng bảo thủ, ba lần từ chối Vua Quang Trung, đến lúc vào thế cùng, khi vua Lê Chiêu Thống phản nước, hại dân, cồng rắn cắn gà nhà mới chịu *chuyển hướng*, hợp tác với Vua Quang Trung. Nhưng cũng có ý kiến cho rằng đây là sự chuyển hướng kịp thời, đúng lúc, “có còn hơn không”.

Với quan điểm tích cực, sự *chuyển hướng* của Nguyễn Thiếp nói riêng, sĩ phu Bắc Hà nói chung, phản ánh kết quả cầu hiền với tinh thần rất kiên trì, thành tâm của một bậc minh quân như Quang Trung – Nguyễn Huệ. Tấm lòng của nhà vua đã lay động, chuyển hóa hàng ngàn trái tim đất Bắc. Họ “hiểu rất rõ Quang Trung là một ông vua thật lòng muốn đất nước đổi thay, thực sự trân trọng trước số phận dân tộc, chứ không phải tùy tiện nhân danh đất nước, nhân danh dân tộc để thu vén ngai vàng cho mình”⁽²⁴⁾. Quá trình xác định đối tượng và sự khéo léo, kiên trì *cầu hiền* của Quang Trung – Nguyễn Huệ đã làm phong phú thêm cho tri thức chính trị truyền thống Việt Nam.

3. “Khéo léo sử dụng con người” của Hồ Chí Minh

Sinh ra và lớn lên ở xứ Nghệ, vùng đất được mệnh danh là *địa linh nhân kiệt*, nơi sản sinh nhiều danh nhân, anh hùng dân tộc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã học hỏi, kế thừa, phát huy nhiều giá trị trong quan điểm chính trị truyền thống Việt Nam như khéo léo sử dụng con người, bồi dưỡng trọng dụng nhân tài. Người coi đây là một nguyên tắc, phương pháp luận

trong công tác cán bộ. Người nói: “Không có ai cái gì cũng tốt, cái gì cũng hay. Vì vậy, chúng ta phải khéo dùng người, sửa chữa những khuyết điểm cho họ, giúp đỡ ưu điểm của họ. Thường chúng ta không biết tùy tài mà dùng người. Thí dụ: thợ rèn thì bảo đi đóng tù, thợ mộc thì bảo đi rèn dao. Thành thử hai người đều lúng túng. Nếu biết tùy tài mà dùng người, thì hai người đều thành công”⁽²⁵⁾. Muốn sử dụng, bồi dưỡng, trọng dụng nhân tài theo Hồ Chí Minh cần hiểu rõ và đánh giá đúng con người. Việc đánh giá ấy cần xem xét rõ ràng trong thực tiễn, từ công tác và cách sinh hoạt; cách nói, cách viết và việc làm; cách đối xử với mọi người, biết cả ưu điểm và khuyết điểm của con người; tránh rụt rè hoặc quá khắt khe, cũng như tránh vội vàng, thiếu nghiên cứu, cân nhắc khi bố trí, sắp xếp, đề bạt. Sử dụng con người phải đúng việc, vì việc mà đặt người chứ không vì người mà định việc. Phải công tâm, có lòng yêu thương cán bộ và nắm vững yêu cầu của tổ chức, “Đảng phải nuôi dạy cán bộ, như người làm vườn vun trồng những cây cối quý báu. Phải trọng nhân tài, trọng cán bộ, trọng mỗi một người có ích cho công việc chung của chúng ta”⁽²⁶⁾.

Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: “Vì lợi ích mười năm thì phải trồng cây, vì lợi ích trăm năm thì phải trồng người. Chúng ta phải đào tạo ra những công dân tốt và cán bộ tốt cho nước nhà”⁽²⁷⁾. Đối với Người, việc bồi dưỡng, cất nhắc, đề bạt cán bộ trước hết là “vì công tác, vì tài năng”. Nếu vì *lòng yêu ghét, vì thân thích, vì nể nang* thì nhất định không ai phục, mà lại gây nên mối *lôi thôi* trong Đảng, là có tội với Đảng, có tội với đồng bào. Trong quá trình đào tạo, sử dụng cán bộ, cần mạnh dạn giao việc cho cán bộ thực hiện. Giao việc theo tư tưởng của Hồ Chí Minh là dân chủ, là phân nhiệm rõ ràng, là đề cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ, là phát huy sáng tạo của cán bộ. Trước khi từ biệt thế giới này, Người còn căn dặn: Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết. Với thanh niên, Đảng phải chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa *hồng* vừa *chuyên*.

Hồ Chí Minh đã *khéo léo* trong công tác tổ chức, cán bộ. Trong những năm cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, trước yêu cầu lịch sử của cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh đã nhận thức rõ được hạn chế của lực lượng cách mạng, những người Việt Nam yêu nước, ngay từ năm 1923, trước khi rời nước Pháp bí mật sang Liên Xô, Người đã để lại bức thư cho bạn bè, đồng chí mình tỏ rõ: “Đối với tôi, câu trả lời đã rõ ràng: trở về nước, đi vào quần chúng, thức tỉnh họ, tổ chức họ, đoàn kết họ, huấn luyện họ, đưa họ ra đấu tranh giành tự do độc lập”⁽²⁸⁾.

Việc thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên là một sáng tạo, có chủ đích của Hồ Chí Minh, nhằm sử dụng, phát huy các nhân tố cách mạng non trẻ. Sự *khéo léo* ở đây chính là “thức tỉnh” thanh niên và đào tạo nên những nhà cách mạng chuyên nghiệp trở về nước “thức tỉnh” quần chúng. Trên cơ sở đó, lựa chọn những thanh niên Việt Nam có khả năng gửi đi học ở Trường đại học Cộng sản của những người lao động Phương Đông ở Mátxcova (Trường đại học Phương Đông) và Trường quân sự Hoàng Phố ở Quảng Châu. Sự *khéo léo* của Hồ Chí Minh đã dẫn dắt đi từ tổ chức ban đầu là Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên để giác ngộ cách mạng đối với những thanh niên yêu nước qua đó mà nâng dần sự giác ngộ, đưa về nước để thúc đẩy phong trào công nhân trong nước phát triển, tạo nguồn lực để dẫn đến sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam. Sự *khéo léo* ấy là một trong những thực tiễn cách mạng thể hiện đậm nét nghệ thuật dẫn dắt, xây dựng tổ chức cách mạng của Hồ Chí Minh. Trong sự nghiệp chính trị, thực tiễn trong nước và quốc tế luôn không ngừng biến động đòi hỏi bất kỳ một tổ chức, cá nhân hoạt động chính trị nào cũng phải thay đổi không ngừng cho phù hợp. “Khéo léo sử dụng con người” của Hồ Chí Minh thể hiện ở nghệ thuật tổ chức

và định hướng xây dựng tổ chức, kiên định bảo vệ, dẫn dắt tổ chức biến đổi theo sự thay đổi của tình hình thực tiễn. Mục đích của Người khi tiến hành công việc trên thể hiện ở phương châm tất cả vì độc lập cho dân tộc, tự do cho nhân dân.

Trong sự “Khéo léo sử dụng con người” Hồ Chí Minh luôn chú ý đến vấn đề duy trì cân bằng quyền lực, tránh xu hướng lạm dụng và biểu hiện tha hóa quyền lực trong xây dựng và hoạt động của tổ chức. Khi xây dựng tổ chức, Hồ Chí Minh duy trì những nguyên tắc tổ chức và hoạt động để đảm bảo hoạt động có hiệu quả của bộ máy tổ chức. Trong đó Người đặc biệt chú ý kiên trì nguyên tắc *tập trung dân chủ*. Đây là nguyên tắc cơ bản, nền tảng đảm bảo sự *cân bằng* giữa việc “tập trung quyền lực” và “phân tán quyền lực”. Người thấy rõ việc tập trung quá nhiều quyền lực vào trong tay một tổ chức, một cá nhân nhất định sẽ dễ dẫn đến vấn đề lạm dụng quyền lực phục vụ cho lợi ích cá nhân dẫn đến sự tha hóa quyền lực, tệ độc đoán, chuyên quyền, không phát huy khả năng mọi thành viên trong tổ chức. Do đó, Người yêu cầu phải làm cho cán bộ, đảng viên ai ai cũng được nói lên ý kiến của mình, được bộc bạch tư tưởng sau đó đi đến thảo luận, tập trung ý kiến; quyền tự do tư tưởng hóa thành quyền tự do phục tùng chân lý. Điều này sẽ đảm bảo tránh được tệ chuyên quyền, độc đoán cũng như biểu hiện dân chủ quá trớn, vô chính phủ. Hơn nữa Hồ Chí Minh cũng nhận định: “Vì một người dù khôn ngoan tài giỏi mấy, dù nhiều kinh nghiệm đến đâu, cũng chỉ trông thấy, chỉ xem xét được một hoặc nhiều mặt của một vấn đề, không thể trông thấy và xem xét tất cả mọi mặt của một vấn đề”⁽²⁹⁾, “Việc gì đã được đông người bàn bạc kỹ lưỡng rồi, kế hoạch định rõ ràng rồi, thì cần phải giao cho một người hoặc một nhóm ít người phụ trách theo kế hoạch đó mà thi hành. Như thế mới có chuyên trách, công việc mới chạy”⁽³⁰⁾. Việc thực hiện *tập trung dân chủ* hay *dân chủ tập trung* do đó sẽ giúp cân bằng quyền lực, đảm bảo quyền lực không bị lạm dụng và còn thực thi có hiệu quả quyền lực.

Cách lãnh đạo tốt nhất theo Hồ Chí Minh là cách lãnh đạo dân chủ. Có dân chủ mới làm cho cán bộ và quần chúng đề ra sáng kiến. Khéo dùng quyền dân chủ là một nghệ thuật quan trọng mà người hoạt động chính trị cần phải đạt được để cởi trói cho sức mạnh sáng tạo, khả năng tiềm tàng trong nhân dân, trong cán bộ. Khéo dùng quyền dân chủ để đảm bảo nhân dân ở vị thế là chủ và được làm chủ.

Khéo léo sử dụng con người hay nghệ thuật dùng người của Hồ Chí Minh là tùy tài mà dùng và phải nâng dần khả năng của cán bộ đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của phong trào cách mạng. Hồ Chí Minh đã nhận định: “Muôn việc thành công hoặc thất bại, đều do cán bộ tốt hoặc kém. Đó là một chân lý nhất định”⁽³¹⁾. Người cũng hình dung “Cán bộ là cái dây chuyền của bộ máy. Nếu dây chuyền không tốt, không chạy thì động cơ dù tốt, dù chạy toàn bộ máy cũng tê liệt. Cán bộ là những người đem chính sách của Chính phủ, của Đoàn thể thi hành trong nhân dân, nếu cán bộ dở thì chính sách hay cũng không thể thực hiện được”⁽³²⁾. Do vậy mà Hồ Chí Minh luôn xem đây là vấn đề trọng tâm. Người nhận định “cán bộ là tiền vốn của Đoàn thể”. Có vốn mới làm ra lãi. Bất cứ chính sách, công tác gì nếu có cán bộ tốt thì thành công, tức là có lãi. Không có cán bộ tốt thì hỏng việc, tức là lỗ vốn”⁽³³⁾, “Lãnh đạo khéo, tài nhỏ có thể hoá ra tài to. Lãnh đạo không khéo, tài to cũng hoá ra tài nhỏ”⁽³⁴⁾. Một người lãnh đạo giỏi thì phải biết “khéo dùng cán bộ”, theo Hồ Chí Minh tức là: *phải biết tùy tài mà dùng, biết phát huy ưu điểm của cán bộ, khắc phục dần những khuyết điểm của họ* nhằm mục đích hoàn thiện người cán bộ và đáp ứng yêu cầu thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Ngay cả khi Đảng lãnh đạo nhân dân giành được chính quyền thiết lập nên Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Hồ Chí Minh chủ trương mở rộng chính sách trọng dụng nhân tài, bất phân giai cấp, tầng lớp, đảng phái, dân tộc, tôn giáo...chỉ cần có lòng yêu nước, phục vụ nhân dân thì mời vào Chính phủ Hồ Chí Minh. Người đã mời Bảo Đại ra làm cố vấn, mời cụ Huỳnh Thúc Kháng làm Phó Chủ tịch nước, mời Vi Văn Định lên chiến khu tham gia kháng chiến, mời nhà tư sản Nguyễn Mạnh Hà làm Bộ trưởng Kinh tế... Hồ Chí Minh nói: “Trong thế giới, cái gì cũng biến hoá. Tư tưởng của người cũng biến hoá. Vì vậy cách xem xét cán bộ, quyết không nên chấp nhất, vì nó cũng phải biến hoá... Quá khứ, hiện tại và tương lai của mọi người không phải luôn giống nhau”⁽³⁵⁾. Tùy vào vị trí công việc mà lựa chọn và bố trí người cho hợp lý, đồng thời phải có cái nhìn biện chứng trong đánh giá cán bộ để có biện pháp đào tạo, cảm hóa cán bộ ngày càng tiến lên nhằm mục đích cuối cùng là nâng cao hiệu quả công việc, đảm bảo phục vụ nhân dân được tốt hơn.

Hồ Chí Minh cũng luôn luôn chú ý đến việc rèn luyện, bồi dưỡng cán bộ, thực hiện nghiêm nguyên tắc phê bình và tự phê bình để giữ gìn phẩm chất đạo đức trong sáng, rèn luyện ý chí, bản lĩnh cách mạng, nâng cao tài năng đáp ứng yêu cầu thời đại. Trong vấn đề rèn luyện cán bộ, Hồ Chí Minh yêu cầu “luôn luôn dùng và khéo dùng cách phê bình và tự phê bình”⁽³⁶⁾, Bác xem đây là vũ khí sắc bén trong công tác cán bộ. Nhiều người lại cho rằng phê bình và tự phê bình khó có kết quả bởi lẽ không ai tự vạch ra lỗi lầm của mình. Cách làm của Bác là phải giải thích, thuyết phục cảm hóa để họ tự thấy mà sửa chữa sai lầm của mình: “Muốn họ thành tâm sửa chữa, phải giải thích rõ ràng, làm cho họ tự trông thấy, tự nhận rõ sự sai lầm đó, làm cho họ vui lòng sửa đổi, chứ không phải bị cưỡng bức mà sửa đổi”⁽³⁷⁾. Tuy nhiên cũng phải căn cứ vào lỗi lầm mà có tiến hành xử phạt hay không bởi nếu không xử lý những hành vi sai phạm nghiêm trọng thì sẽ đe dọa “mất kỷ luật” và còn “mở đường cho bọn cố ý phá hoại”. Phải khéo ở đây hoàn toàn không phải không dùng xử phạt mà cái gì cũng dùng xử phạt cũng không nên.

Như vậy, trong sự khéo léo sử dụng con người của Hồ Chí Minh về công tác tổ chức, cán bộ nổi bật lên ở nghệ thuật định hướng và dẫn dắt tổ chức, cán bộ đi từ trình độ thấp đến trình độ cao, tùy thuộc và tình hình thực tiễn mà có sự biến hóa, linh hoạt cho phù hợp với yêu cầu cách mạng; hướng tới đích cuối cùng là phục vụ cho sự nghiệp độc lập cho dân tộc, tự do, hạnh phúc cho nhân dân. Những chủ trương, biện pháp dùng quyền dân chủ của Hồ Chí Minh được thực hiện trên cơ sở nhìn nhận được sức mạnh của dân chủ, dân chủ chính là “cái chìa khóa vạn năng có thể giải quyết mọi khó khăn”⁽³⁸⁾. Do đó, trong *khéo léo sử dụng con người* theo Hồ Chí Minh là phải biết cách khơi dậy sức mạnh từ dân chủ, đặc biệt đối với lực lượng quần chúng nhân dân. Người nói: “Sáng kiến và năng lực của quần chúng là vô cùng tận. Nếu khéo lãnh đạo, khéo tổ chức thì nó phát triển mãi”⁽³⁹⁾; “Khéo tổ chức, khéo lãnh đạo, thì lực lượng ấy sẽ làm xoay trời chuyển đất, bao nhiêu thực dân và phong kiến cũng sẽ bị lực lượng to lớn ấy đánh tan”⁽⁴⁰⁾.

4. Kết luận

Xuất thân từ một gia đình nhà Nho yêu nước, từ quê hương xứ Nghệ giàu truyền thống cách mạng Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kế thừa nhiều truyền thống quý báu của ông cha, trong đó có kế thừa sự khéo léo sử dụng con người, bồi dưỡng trọng dụng nhân tài trong quan điểm chính trị truyền thống Việt Nam. Nhờ vậy, trong quá trình lãnh đạo cách mạng Người đào tạo, dẫn dắt một thế hệ cách mạng đủ sức đảm đương sứ mệnh trọng đại của dân tộc, giải phóng

dân tộc thoát khỏi ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc thực dân, đưa đất nước phát triển theo con đường dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng dân chủ văn minh. Đối với Người, *khéo léo sử dụng con người* phải có phương pháp bồi dưỡng, cất nhắc, đề bạt nhân sự theo những nguyên tắc nhất định. Trong đó phải vì mục tiêu chung “vì công tác, vì tài năng” chứ không vì lòng yêu ghét, vì thân thích, nể nang. Sự *khéo léo sử dụng con người* của Hồ Chí Minh vừa là khoa học vừa là nghệ thuật dẫn dắt tổ chức lực lượng cách mạng đi từ thấp đến cao, đi từ đơn giản đến phức tạp... kiên định bảo vệ, dẫn dắt tổ chức biến đổi theo sự thay đổi của tình hình thực tiễn. Và suy cho cùng sự *khéo léo sử dụng con người* của Người đều vì độc lập cho dân tộc, tự do cho nhân dân.

CHÚ THÍCH VÀ TÀI LIỆU THAM KHẢO

- (1), (25), (26), (29), (30), (31), (32), (33), (34), (35), (36), (37) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 5, NXB Chính trị quốc gia (2011), trang 280, 314, 313, 619, 619, 280, 68, 356, 320, 317 – 318, 305, 323.
- (2) *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập I, NXB Khoa học xã hội (1983), trang 217.
- (3), (5), (6), (12) *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập II, NXB Khoa học xã hội (1983), trang 79, 79, 79, 105 – 106.
- (4) Trong Di chúc, Trần Quốc Tuấn viết: “Phải đạt được quân đội đồng lòng như cha con một nhà mới có thể dùng được (Thủ đắc phụ tử chí bình, thủy khả dụng dã).
- (7), (8), (9), (10) Viện sử học, *Bình thư yếu lược*, NXB Khoa học xã hội (1970), trang 59, 34, 55, 60.
- (11) Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập III, NXB Khoa học xã hội (1992), trang 7.
- (13) Lê Quý Đôn, *Toàn tập*, T.II, NXB Khoa học xã hội (1977), trang 258-259.
- (14) Viện Sử học, *Nguyễn Trãi Toàn tập*, NXB Khoa học xã hội (1976), tr.47.
- (15), (23) Thân Nhân Trung.
- (16) (17) (18) (19) (20) (21) Tạp chí *Xưa và nay*, số 77B/7-2000; có đối chiếu với bản “Chiều cầu hiền” in trong sách giáo khoa *Ngữ văn lớp 11*, tập 1, NXB Giáo dục (2016), tr. 68, 69, 70.
- (22) Thư trả lời của La Sơn Phu Tử Nguyễn Thiếp - Chiêu Thống năm đầu, tháng chín, ngày mùng 5 (1787). Dẫn theo <http://khamphahue.com.vn/vanhoea-dulich-Hue>
- (24) Nguyễn Phan Quang, *Phong trào Tây Sơn và anh hùng dân tộc Quang Trung*, NXB Tổng hợp TP.HCM (2005), trang 188.
- (27) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 11, NXB Chính trị quốc gia (2011), trang 528.
- (28) Trần Dân Tiên, *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, NXB Văn học (2001), trang 55-56.
- (38) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 15, NXB Chính trị quốc gia (2011), trang 325.
- (39), (40) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 8, NXB Chính trị quốc gia (2011), trang 343, 358.

“Nghiên cứu này được tài trợ bởi Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh trong khuôn khổ đề tài C2018-18b-08”